

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020 (năm hiện hành)	ƯỚC TH NĂM 2020 (năm hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM 2021	SỐ SÁNH (1) (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	14.184.307	0	13.020.360	92
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.010.481	0	2.218.530	110
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.124.381	0	2.218.530	197
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	868.100	0	814.480	94
II	Thu bổ sung từ NSTW	12.112.026	0	10.665.340	88
1	Thu bổ sung cân đối	8.124.951	0	8.115.132	99
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.987.075	0	2.550.208	64
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		0	1.200	
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	0	48.590	
B	TỔNG CHI NSDP	14.124.307	0	12.989.681	92
I	Tổng chi cân đối NSDP	10.119.232	0	10.364.283	102
1	Chi đầu tư phát triển	1.310.384	0	1.525.396	116
2	Chi thường xuyên	8.551.117	0	8.550.507	99
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.200	0	2.900	241
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	0	1.200	100
5	Dự phòng ngân sách	192.764	0	206.141	106
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	62.567	0	128.139	204
II	Chi các chương trình mục tiêu	3.987.075	0	2.550.208	64
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.572.784	0	0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.414.291	0	2.550.208	105
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			48.590	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2020 (năm hiện hành)	ƯỚC TH NĂM 2020 (năm hiện hành)	DỰ TOÁN NĂM 2021	SO SÁNH (1) (%)
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	60.000	0	30.679	51
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	60.000	0	30.679	51
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0	0	0	
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp	60.000	0	30.679	51
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	61.800	0	87.900	142
1	Vay để bù đắp bội chi	61.800	0	87.900	142
2	Vay để trả nợ gốc				

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành.